

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 122/2021/DS-ST

Ngày: 29/4/2021

V/ v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản và Hợp đồng mua bán”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đoàn Thanh Phong**;

2/ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2020/TLST-DS ngày 12/10/2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXX-ST ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện O, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Chị Bùi Anh P, sinh năm 1984 (có mặt);

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người làm chứng: Bà Lê Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện O, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản khai, các Biên bản hoà giải, Biên bản đối chất tại Tòa và tại phiên tòa hôm nay, Chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Chị và anh S, chị P có mối quan hệ làm ăn mua bán heo nên quen biết với nhau. Anh S và chị P là vợ chồng. Chị T có cho chị P và anh S mượn tiền 02 lần, cụ thể:

+ Ngày 23/7/2019, chị có cho chị P, anh S mượn 10.000.000 đồng, không có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất. Chị P có gửi thịt heo cho chị nên xem như là tiền lãi vợ chồng chị P tự nguyện đóng cho chị, chị tính tương đương là 01 tháng tiền lãi.

+ Ngày 27/7/2019, chị có cho chị P, anh S mượn 16.000.000 đồng, không có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Anh S, chị P có đóng cho chị được 02 tháng lãi với số tiền 3.200.000 đồng, các bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền cụ thể. Khoảng 02 tháng sau, chị P có viết biên nhận mượn tiền cho chị, xác nhận nội dung anh S, chị P có mượn của chị 02 khoản tiền trên. Biên nhận này anh S không có ký tên, có bà Lê Thị H ký tên là người làm chứng.

- Ngoài ra ngày 09/8/2019, chị có bán heo cho chị P, anh S với số tiền 66.000.000 đồng nhưng chị P và anh S không có tiền trả nên chị P có ký tên vào biên nhận với nội dung xác nhận có mua heo của chị với số tiền 66.000.000 đồng. Chị P hứa 2 vợ chồng sẽ trả tiền cho chị, có bà Lê Thị H ký tên là người làm chứng.

- Do chị P, anh S không trả tiền nên chị khởi kiện yêu cầu anh S và chị P có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền mượn tổng cộng là 26.000.000 đồng, tiền mua heo 66.000.000 đồng, tổng cộng tiền mượn và tiền mua heo là 92.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi suất.

* Quá trình tố tụng, tại các Biên bản hoà giải, Biên bản đối chất tại Toà và tại phiên toà hôm nay, chị Bùi Anh P trình bày:

- Chị P là vợ của anh Nguyễn Văn S. Vợ chồng chị quen biết chị T qua việc mua bán heo. Ngày 23/7/2019, chị có mượn của chị T 10.000.000 đồng để chị làm ăn, không có làm biên nhận, chị đóng lãi được 07 tháng với số tiền 7.000.000 đồng. Thỏa thuận khi nào chị có tiền sẽ trả cho chị T.

- Ngày 27/7/2019, chồng chị là anh S có mượn chị T số tiền 16.000.000 đồng, chị đóng cho chị T được 01 tháng lãi suất và anh S đóng cho chị T 01 tháng lãi suất nên tổng số tiền lãi anh chị đã đóng là 3.200.000 đồng. Do chị T sợ anh chị không trả tiền nên chị T yêu cầu chị viết biên nhận, trong đó chị có ghi rõ chị mượn chị T 10.000.000 đồng và anh S mượn chị T 16.000.000 đồng. Biên nhận chỉ có chị ký tên, anh S không có ký tên.

Các khoản tiền lãi chị và anh S trả cho chị T, chị không có làm biên nhận, không có chứng cứ nên chị không cung cấp được.

- Ngoài ra, chị có mua heo của chị T. Khoảng giữa năm 2019 (chị không nhớ rõ thời gian), chị có đến mua heo của chị T với tổng số tiền hơn 60.000.000 đồng, chị có trả cho chị T được 01 số tiền và còn nợ lại 40.000.000 đồng. Chị có làm biên nhận cho chị T số tiền tổng cộng là 66.000.000 đồng, trong đó bao gồm 40.000.000 đồng tiền mua heo còn thiếu, 10.000.000 đồng chị mượn chị T và 16.000.000 đồng anh S chồng chị mượn chị T. Biên nhận do bên chị T viết, do tin tưởng nên chị không đọc lại biên nhận và chị có ký tên vào biên nhận. Chị trả được 01 số tiền mua heo và còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền mua heo và chị T ghi cộng chung tiền vay và tiền mua heo thành 66.000.000 đồng, chị không lấy lại biên nhận để xé bỏ.

Việc mua bán heo là của cá nhân chị, anh S không có đi mua heo với chị, anh S ở nhà chăm sóc gia đình. Việc mua bán heo là công việc chính để anh chị trang trải kinh tế gia đình. Chị có nói với anh S là chị còn nợ chị T số tiền 50.000.000 đồng, trong đó gồm 40.000.000 đồng tiền mua heo còn thiếu và 10.000.000 đồng chị mượn chị T.

- Nay Chị đồng ý trả cho chị T số tiền mua heo còn thiếu là 40.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền mượn 10.000.000 đồng và đồng ý cùng anh S trả cho chị T số tiền mượn

16.000.000 đồng, tổng cộng chị đồng ý cùng anh S trả cho chị T 66.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

* Quá trình tố tụng, theo Bản tự khai, Biên bản hòa giải, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị Bùi Anh P là vợ chồng. Ngày 27/7/2019, anh có mượn chị T số tiền 16.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, anh có đóng 01 tháng tiền lãi là 1.600.000 đồng và vợ anh là chị P có đóng 01 tháng tiền lãi 1.600.000 đồng, tổng cộng 3.200.000 đồng, sau đó thì ngưng không đóng nữa. Việc anh chị đóng lãi cho chị T không có biên nhận. Anh có hứa khi nào có tiền anh sẽ trả nhưng do làm ăn thất bại nên anh vẫn chưa trả số tiền vốn nào cho chị T. Đối với số tiền 10.000.000 đồng thì anh không có mượn của chị T mà đây là nợ của vợ anh mượn chị T.

Vợ Anh có mua heo của chị T. Việc mua bán heo là chủ yếu do vợ anh mua bán. Vợ anh có nói với anh là còn nợ chị T 50.000.000 đồng, trong đó gồm 40.000.000 đồng tiền mua heo và 10.000.000 đồng chị P mượn chị T.

Nay anh đồng ý cùng chị P liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng cho chị T trong đó gồm 40.000.000 đồng tiền mua heo và 10.000.000 đồng chị P mượn chị T và đồng ý trả 16.000.000 đồng tiền anh mượn chị T, tổng cộng anh đồng ý cùng chị P trả 66.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên anh xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

*Theo bản tự khai, bà Lê Thị H trình bày:

Bà H biết chị P và anh S, anh S và chị P có mượn tiền chị T và có mua heo của chị T, vì nhà bà gần nhà chị T nên chị T có gọi bà qua chứng kiến, cụ thể:

Một lần (bà không nhớ rõ thời gian), anh S có mượn chị T 16.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ. Một lần khác (bà cũng không nhớ rõ thời gian), vợ anh S là chị P có đến mượn chị T 10.000.000 đồng. Lúc này chị P có làm biên nhận nợ cho chị T với nội dung là chị P mượn chị T 10.000.000 đồng và chồng chị P là anh S có mượn chị T 16.000.000 đồng. Chị P có ký tên vào biên nhận, bà ký tên là người làm chứng. Việc anh S và chị P mượn tiền chị T để làm gì thì bà không rõ. Do nhà bà gần nhà chị T nên chị T gọi bà qua để bà chứng kiến sự việc và bà có ký tên làm chứng.

Ngoài ra chị T có bán heo cho chị P (bà không nhớ rõ thời gian) với số tiền 66.000.000 đồng, lúc chị T bán heo thì bà có mặt ở nhà chị T. Do lúc mua heo, chị P không có tiền trả nên chị P có viết biên nhận xác nhận có nợ chị T số tiền mua heo là 66.000.000 đồng. Chị P ký tên vào biên nhận, bà ký tên là người làm chứng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với anh S và bà H có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy Chị T và vợ chồng anh S, chị P có quan hệ làm ăn buôn bán.

Đối với khoản tiền vay gồm khoản vay 10.000.000 đồng và 16.000.000 đồng: chị T cung cấp được biên nhận có chị P và người làm chứng Lê Thị H ký. Quá trình tố tụng và tại tòa, anh S và chị Phương cũng đồng ý trả cho chị T nên yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở.

Đối với khoản tiền mua heo : chị T cung cấp được biên nhận có chị P và người làm chứng Lê Thị H ký, nội dung biên nhận thể hiện chị P xác nhận số tiền mua heo là 66.000.000 đồng. Việc chị P trình bày chị đã trả một phần còn lại 40.00.000 đồng và chị T ghi luôn khoản tiền vay vào khoản tiền nợ mua heo, chị quên xé biên nhận mượn tiền, vấn đề này chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh và chị T không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

Đối với anh S: Quá trình tố tụng anh thừa nhận chị P có mua bán heo, anh ở nhà phụ việc, anh có nghe chị P nói còn thiếu chị T 40.00.000 đồng tiền mua heo và anh cũng đồng ý cùng chị P trả.

Từ các chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Văn S và bà Lê Thị H có Bản khai và có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị T và vợ chồng chị Bùi Anh P, anh Nguyễn Văn S thừa nhận có mối quan hệ làm ăn mua bán heo nên quen biết với nhau.

- Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng: Chị P thừa nhận ngày 23/7/2019, chị mượn của chị T 10.000.000 đồng để làm ăn, không có làm biên nhận. Sau đó do chị T đề nghị nên chị có làm biên nhận mượn tiền, trong đó chị có ghi rõ chị mượn chị T 10.000.000 đồng và anh S mượn chị T 16.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho chị T số tiền 10.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, anh S trình bày khoản tiền này do vợ anh mượn chị T, nhưng anh đồng ý cùng chị P trả cho chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với số tiền vay 16.000.000 đồng:

Quá trình tố tụng, anh S thừa nhận: ngày 27/7/2019 anh có mượn chị T 16.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Anh hứa khi nào có tiền anh sẽ trả cho chị T nhưng do làm ăn thất bại nên anh vẫn chưa trả số tiền vốn nào. Nay anh đồng ý trả cho chị T số tiền 16.000.000 đồng. Quá trình tố tụng và tại Tòa, chị P cũng đồng ý cùng anh S trả khoản tiền 16.000.000 đồng cho chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với các khoản tiền lãi suất :

+ Đối với khoản tiền vay 10.000.000 đồng:

Quá trình tố tụng, Chị P trình bày đã đóng lãi cho chị T được 07 tháng tiền lãi. Tuy nhiên, chị T không thừa nhận, chị xác định chị chỉ nhận thịt heo từ chị P và tính tương đương là 01 tháng tiền lãi. Tuy nhiên, chị P không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh việc đóng lãi và các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi suất đã đóng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Đối với khoản tiền vay 16.000.000 đồng:

Quá trình tố tụng, chị T, anh S và chị P trình bày thống nhất số tiền lãi suất anh S, chị P đã đóng là 3.200.000 đồng. Tuy nhiên, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với khoản tiền mua bán heo:

Quá trình tố tụng và tại Tòa, các đương sự đều thừa nhận chị T có bán heo cho chị P. Xét Biên nhận bán heo do chị T cung cấp có nội dung:

“ Tôi tên Bùi Anh P sinh 11/4/1984. Nay tôi làm biên nhận này xác nhận có mua heo của bà Nguyễn Thị T ở địa chỉ ấp N- xã M- Huyện O-Tiền Giang vào ngày 09/8/2016 với tổng số tiền là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu)”. Chị P cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận.

Việc chị P trình bày chị có trả cho chị T được 01 số tiền mua heo và còn nợ lại 40.000.000 đồng và chị T ghi cộng chung tiền vay và tiền mua heo thành 66.000.000 đồng, chị không lấy lại biên nhận để xé bỏ, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh, chị T cũng không thừa nhận.

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định:

“ 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”.

“ 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó việc chị P trình bày đã trả cho chị T được 01 số tiền và chỉ còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền mua heo và chị T ghi cộng chung tiền vay và tiền mua heo thành 66.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Theo Biên bản xác minh ngày 11/3/2021 có chính quyền địa phương xác nhận anh S và chị P là vợ chồng và làm nghề buôn bán heo (lò giết heo). Đến năm 2020 do nợ nhiều người nên anh chị ngưng mua bán heo.

Quá trình tố tụng anh S cũng thừa nhận chị P có nói với anh là còn nợ chị T 50.000.000 đồng, trong đó gồm 40.000.000 đồng tiền mua heo và 10.000.000 đồng chị P mượn chị T. Anh cũng đồng ý cùng chị P trả cho chị T số tiền mua heo 40.000.000 đồng.

Xét thấy chị P và anh S là vợ chồng, chung sống cùng địa chỉ, việc mua bán heo là công việc chính để anh chị trang trải kinh tế gia đình. Do đó có cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng, anh S cũng thừa nhận nên anh S và chị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị T theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình

Đối với việc chị P và anh S yêu cầu được trả dần số tiền nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ: xét yêu cầu trên của anh chị không được chị T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy việc chị T yêu cầu chị P và anh S liên đới trả số tiền 26.000.000 đồng tiền vay và 66.000.000 đồng tiền mua heo, tổng cộng là 92.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92; khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Anh P và anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92; khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Bùi Anh P và anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 26.000.000 đồng tiền vay và 66.000.000 đồng tiền mua heo, tổng cộng là 92.000.0000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Chị Bùi Anh P và anh Nguyễn Văn S phải nộp 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 2.300.000 đồng theo biên lai số 0004215 ngày 07/10/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Anh P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân huyện Chợ Gạo.
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Hạnh